TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **40**/2026/QĐST-DS	*Quảng Ngãi, ngày 25 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 15 tháng 5 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 74/2026/TLST- DS ngày 17/3/2026 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Địa chỉ: B - B N, phường X, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức T - Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu Minh C, Chức vụ: Trưởng phòng giao dịch Đ – Chi nhánh K.

Địa chỉ: G P, phường K, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Bị đơn:* Ông Phùng Văn N, sinh năm 1956 và bà Ngô Thị N1, sinh năm 1957.

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

**** Về số tiền phải thanh toán:***

- Ông Phùng Văn N và bà Ngô Thị N1 phải thanh toán toàn bộ số nợ gốc và lãi cho Ngân hàng thương mại cổ phần S với tổng số tiền tính đến ngày 15/5/2026 là **639.963.396 đồng**. Trong đó, tiền gốc là 600.000.000 đồng, số tiền lãi trong hạn là 32.079.452 đồng, lãi quá hạn là 7.883.944 đồng.

- Ông Phùng Văn N phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền nợ theo Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ cá nhân số 3195353 ngày 02/4/2024 của ông Phùng Văn N, tính đến ngày 15/5/2026 là: **45.905.890 đồng**; Trong đó: Nợ gốc thẻ tín dụng: 43.603.627 đồng; lãi quá hạn là 2.302.263 đồng.

- Bà Ngô Thị N1 phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền nợ theo Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ cá nhân số 3195324 ngày 02/4/2024 của bà Ngô Thị N1, tính đến ngày 15/5/2026 là: **50.605.971 đồng**; Trong đó: Nợ gốc thẻ tín dụng: 44.166.045 đồng; lãi quá hạn là 6.439.926 đồng.

- *Về lãi suất chậm trả:* Lãi suất tiếp tục tính kể từ ngày 16/5/2026 theo mức lãi suất được ký kết tại Hợp đồng tín dụng số 202327344870 ngày 27/12/2023 và Văn bản thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01-202327344870 ngày 05/9/2025; Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ cá nhân số 3195353 ngày 02/4/2024 và Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ cá nhân số 3195324 ngày 02/4/2024 của bà Ngô Thị N1 trên số nợ gốc thực nợ cho đến khi ông Phùng Văn N và bà Ngô Thị N1 thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp ông Phùng Văn N và bà Ngô Thị N1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng thương mại cổ phần S được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi các tài sản đã thế chấp tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 191/2023/HĐTC/PGD ĐĂK BLA ngày 28/12/2023 và Văn bản thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 01-191/2023/HĐTC/PGD ĐĂK BLA ngày 05/9/2025 đã được công chứng, chứng thực và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định, gồm có:

Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số số 106; tờ bản đồ số 66. Địa chỉ thửa đất: Thôn G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum (nay là thôn N, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi); theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 026431, số vào sổ BX 026431 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Kon Tum (cũ) cấp ngày 15/12/2014. Thuộc sở hữu của ông Phùng Văn N và bà Ngô Thị N1.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản đảm bảo được dùng để cấn trừ nghĩa vụ trả nợ của ông Phùng Văn N và bà Ngô Thị N1 đối với Ngân hàng. Nếu số tiền phát mãi tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ của ông Phùng Văn N và bà Ngô Thị N1 tại Ngân hàng, thì ông Phùng Văn N và bà Ngô Thị N1 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ.

**** Về án phí dân sự sơ thẩm***: Áp dụng khoản 3 Điều 144; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3; Điều 6; điểm đ khoản 1, khoản 3 Điều 12; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Phùng Văn N và bà Ngô Thị N1 nhận chịu số tiền toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, ông Phùng Văn N và bà Ngô Thị N1 đều thuộc trường hợp là người cao tuổi, nên được miễn toàn bộ án phí.

Ngân hàng thương mại cổ phần S không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 15.806.014 đồng *(Mười lăm triệu tám trăm lẻ sáu ngàn không trăm mười bốn đồng)* tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001049 ngày 16 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

**** Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:*** Căn cứ Điều 155, Điều 157, khoản 1 Điều 158 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tổng số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 13.800.000 đồng (*Mười ba triệu tám trăm ngàn đồng*) bị đơn Ông Phùng Văn N và bà Ngô Thị N1 thỏa thuận nhận chịu toàn bộ số tiền này. Ngân hàng thương mại cổ phần S không phải chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Ông Phùng Văn N và bà Ngô Thị N1 có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 13.800.000 đồng (*Mười ba triệu tám trăm ngàn đồng*) trên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 7 – Quảng Ngãi;
- Phòng THADS khu vực 7 – Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Hoa Như